

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642006 - Cơ lý thuyết

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Mậu	Phú	3541010020	31/10/1996	,00	,00	,00	Nợ HPN
2	Nguyễn Văn	Thành	3544010041	03/03/1996	,00	,00	,00	Nợ HPN
3	Lê	Hoàng	3544010046	24/11/1988	,00			Nợ HPN
4	Trương Minh	Tiến	3544010052	20/07/1992	,00	,00	,00	Nợ HPN
5	Hoàng Văn	Đông	3544010054	16/06/1992	,00			Nợ HPN
6	Trương Bảo	Nhật	3602010004	24/05/1992	,00	,00	,00	CT
7	Nguyễn Hồng Bảo	Truyền	3604010028	06/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HPN
8	Đặng Đức	Anh	3644010015	06/07/1992	,00	,00	,00	Nợ HPN
9	Hồ Quang	Huy	3644010490	15/06/1993	,30			
10	Lâu Quốc	Huân	3644012032	10/05/1994	,00			CT
11	Nguyễn Mậu Hồng	Triệu	3741010062	13/08/1995	6,30	1,00	3,70	
12	Trần Văn	Hải	3741010101	03/09/1993	6,70	4,00	5,30	
13	Nguyễn Trường	Giang	3741010102	08/05/1994	7,00	4,00	5,50	
14	Lục Văn	Tuyên	3744010002	18/01/1993	2,00	4,00	3,00	
15	Nguyễn Trương Kim	Bảo	3744010005	19/01/1992	8,70	8,00	8,30	
16	Cao Hữu	Việt	3744010008	11/03/1995	,70			
17	Lê Thanh	Tâm	3744010009	29/10/1995	,70			
18	Trần Quang	Phúc	3744010013	26/01/1995	7,30	5,00	6,20	
19	Khuru Dũ	Cường	3744010014	05/09/1994	4,00	5,00	4,50	
20	Nguyễn Văn	Hữu	3744010015	27/01/1994	3,30	,00	1,70	
21	Nguyễn Văn	Ngoan	3744010016	10/10/1993	6,30	7,00	6,70	
22	Võ Quốc	Thắng	3744010020	21/02/1992	7,00	7,00	7,00	
23	Nguyễn Ngọc Huy	Danh	3744010026	01/03/1994	3,70	,00	1,80	
24	Trương Hữu	Thành	3744010036	19/02/1995	6,70	6,00	6,30	
25	Lê Trung	Hiếu	3744010038	25/02/1995	6,30	1,00	3,70	
26	Võ Minh	Phòng	3744010043	20/02/1995	5,70	,00	2,80	
27	Nguyễn Ngọc	Trung	3744010051	19/09/1993	,30			
28	Trần Văn	Dương	3744010059	19/10/1994	6,00	4,00	5,00	
29	Lê Đức	Văn	3744010064	20/10/1994	,00	,00	,00	CT
30	Phan Hữu	Kính	3744010075	17/04/1994	6,30	2,00	4,20	
31	Lê Quang	Tạo	3744010076	26/06/1993	,30			
32	Trần Quang	Trang	3744010080	19/03/1994	6,00	7,00	6,50	
33	La Quốc	Đoàn	3744010085	13/09/1995	6,30	5,00	5,70	
34	Phan Văn	Bình	3744010086	26/06/1994	7,30	5,00	6,20	
35	Nguyễn Tân Nhật	Trường	3744010089	01/10/1995	7,00	7,00	7,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Tô Thanh	Long	3744010090	21/07/1994	6,70	7,00	6,80	
37	Nguyễn Thành	Luân	3744010103	01/06/1995	2,00	,00	1,00	
38	Cao Trọng	Quang	3744010105	16/01/1994	6,70	2,00	4,30	
39	Phạm Nguyễn Minh	Hào	3744010106	05/03/1995	6,30	5,00	5,70	
40	Nguyễn Văn	Nha	3744010120	15/05/1995	6,00	4,00	5,00	
41	Từ Minh	Hoàng	3744010122	13/09/1994	,30			
42	Lê Hoàng	Lâm	3744010125	05/04/1995	4,00	5,00	4,50	
43	Nguyễn Văn	Lâm	3744010132	29/10/1995	7,00	3,00	5,00	
44	Lê Văn	Tài	3744010135	19/04/1994	5,70	,00	2,80	
45	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3744010137	27/06/1993	1,70			
46	Võ Lương	Tuấn	3744010139	06/05/1993	,00	,00	,00	CT
47	Trương Trí	Thành	3744010140	25/09/1995	,00	,00	,00	CT
48	Nguyễn Quốc	Lợi	3744010142	10/08/1995	5,00	5,00	5,00	
49	Huỳnh Thanh	Nam	3744010146	12/08/1995	3,30	5,00	4,20	
50	Huỳnh Văn	Tài	3744010155	11/08/1994	,30			
51	Lê Văn	Thái	3744010477	08/08/1988	6,70	8,00	7,30	
52	Nguyễn Hữu Hoàng	Đăng	3744010489	30/06/1993	,00	5,00	2,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)